

Bản án: **14/2019/DS-ST.**

Ngày: 10/7/2019.

V/v “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Mạnh Trí.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Đinh Xuân Thủy.

2. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 256/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2018, Về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1965 và bà Trần Thị T, sinh năm 1964; Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã ĐT, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quang L, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1973; Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã ĐB, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hồ Văn H và bà Trần Thị T yêu cầu:

Vào ngày 06/9/2018 bà Nguyễn Thị T1 có vay của vợ chồng ông H, bà T số tiền 500.000.000đ để về làm công trình có thỏa thuận lãi suất; thời hạn vay là 30 ngày, có viết “giấy mượn tiền” và ký tên xác nhận, đóng dấu của Công ty TNHH VL. Vài ngày sau bà T1 vay tiếp 16.000.000đ, không lập giấy tờ vay; tổng cộng hai lần vay là 516.000.000đ. Nhưng đến nay vẫn chưa trả nợ. Do đó ông H, bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Quang L phải trả cho ông, bà số tiền 500.000.000đ, không tính tiền lãi. Đối với số tiền 16.000.000đ, do khi vay hai bên không viết giấy nên không yêu cầu.

- Các tài liệu, chứng cứ, ông H, bà T cung cấp gồm: bản sao chứng minh nhân dân của ông H, bà T; 01 giấy mượn tiền lập ngày 06/9/2018 - bản gốc.

Tại phiên tòa, bị đơn – bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt không có lý do, nhưng quá trình giải quyết vụ án, bà T1 trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Bà T1 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và bà T. Trước đây bà T1 với vợ chồng ông H, bà T có làm ăn buôn bán với nhau và bà T1 có vay của vợ chồng ông H một số tiền, có viết giấy tờ xác nhận nhưng vào ngày 01/8/2018 ông H và bà T đã khởi kiện vợ chồng bà T1, ông L tại Tòa án yêu cầu trả tất cả các khoản nợ. Tại buổi hòa giải ngày 02/8/2018, bà T1 cùng với vợ chồng ông H, bà T đã cùng tính toán chốt nợ, xác định vợ chồng bà T1, ông L còn thiếu ông H, bà T số tiền 1.637.312.000đ. Ông H và bà T đã thừa nhận ngoài số tiền này thì bà không còn nợ bất kỳ khoản tiền nào của ông H và bà T nữa; các giấy tờ xác nhận nợ trước đây lập hết hiệu lực kể từ thời điểm chốt nợ, hòa giải thành tại Tòa án. Như vậy, tất cả các khoản nợ giữa vợ chồng bà T1, ông L và vợ chồng ông H, bà T đã được giải quyết xong và thể hiện tại quyết định công nhận sự thỏa thuận số 47/2018/QĐST-DS ngày 10/8/2018 của Tòa án. Sau ngày 02/8/2018 đến nay thì bà T1 không còn làm ăn vay mượn tiền gì của vợ chồng ông H, bà T nữa. Tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, ông H và bà T cũng đã thừa nhận ngoài số tiền mà bà phải thi hành án thì bà T1 không còn nợ tiền gì của ông H và bà T nữa. Đối với giấy nợ mà ông H nộp làm căn cứ khởi kiện hiện nay đã không còn giá trị hiệu lực nữa. Giấy này trước đây bà T1 lập để xác nhận nợ trong khoảng thời gian làm ăn và đã cầm trừ tài sản qua lại cho ông H, bà T.

Tại phiên tòa, bị đơn - ông Nguyễn Quang L vắng mặt không có lý do, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh và ghi nhận ý kiến của ông L đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Ông L và bà Nguyễn Thị T1 là vợ chồng. Vợ chồng ông là chủ doanh nghiệp tư nhân VL, sau đó doanh nghiệp tư nhân VL chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty trách nhiệm hữu hạn và ông L đã ủy quyền quản lý điều hành hoạt động công ty trách nhiệm hữu hạn VL cho bà Nguyễn Thị T1, bà T1 tự đứng ra xác lập giao dịch liên quan đến hoạt động giữa công ty với các đối tác, ông L không tham gia vào các hoạt động của công ty nữa. Việc vợ chồng ông H, bà T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản thì bà T1 tự xử lý, đối chiếu công nợ và tham gia tố tụng, ông L không tham gia tố tụng vì ông không trực tiếp xác lập vay mượn tiền với vợ chồng ông H, bà T.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự 2015.

- Việc tuân theo pháp luật trong thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do đó căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

- *Quan điểm giải quyết vụ án:*

Áp dụng khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, các điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn H và bà Trần Thị T; Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Quang L phải có trách nhiệm trả liên đới trả cho ông H, bà T số tiền là 500.000.000đ.

Bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Quang L phải có trách nhiệm liên đới nộp 24.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Hồ Văn H, bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.320.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn - bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Quang L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa; do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Hồ Văn H và bà Trần Thị T:*

Ông H, bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Quang L phải trả số tiền vợ vay 500.000.000đ. Căn cứ khởi kiện là vào ngày 06/9/2018 bà Nguyễn Thị T1 có vay của vợ chồng ông H, bà T số tiền 500.000.000đ để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH VL, khi vay bà T1 có viết “giấy mượn tiền” đề ngày 06/9/2018 và ký tên xác nhận, đóng dấu của công ty nhưng bà T1 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T vì lý do tất cả các khoản nợ giữa vợ chồng bà T1, ông L và vợ chồng ông H, bà T đã được giải quyết xong và thể hiện tại quyết định công nhận sự thỏa thuận số 47/2018/QĐST-DS ngày 10/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh nên hiện tại không còn nợ tiền của vợ chồng ông H, bà T. Tuy nhiên ý kiến trình bày của bà T1 không được ông H và bà T chấp nhận, vì số tiền 500.000.000đ bà T1 và ông L vay sau thời điểm khi chốt số nợ 1.637.312.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, bà T1 xác nhận chính bà đã viết giấy mượn tiền đề ngày 06/9/2018 mà ông H, bà T cung cấp, nhưng bà T1 cho rằng giấy này đã không còn giá trị nữa vì đã được tổng hợp cộng vào số nợ mà vợ chồng bà có

trách nhiệm thi hành tại quyết định số 47/2018/QĐST-DS ngày 10/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua kiểm tra đối chiếu toàn bộ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 156/2018/TLST- DS ngày 01 tháng 8 năm 2018 và quyết định công nhận sự thỏa thuận số 47/2018/QĐST-DS ngày 10/8/2018 thì thấy rằng, bà T1 đưa ra lý do để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Bởi vì Khoản nợ 500.000.000đ ông H, bà T khởi kiện trên cơ sở giấy vay tiền bà T1 lập ngày 06/9/2018 cũng như thời điểm xác lập vay tiền là sau ngày ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận số 47/2018/QĐST-DS ngày 10/8/2018, đây là giao dịch dân sự mới được xác lập giữa các đương sự, sau ngày 10/8/2018, chưa được giải quyết bằng bản án hoặc quyết định của Tòa án cũng như chưa được giải quyết trong vụ án dân sự sơ thẩm số 156/2018/TLST- DS ngày 01 tháng 8 năm 2018, theo như bà T1 trình bày. Ngoài ra quá trình tố tụng, bà T1 không cung cấp được chứng cứ để chứng minh đã trả số tiền nợ 500.000.000đ cho ông H và bà T. Như vậy, số tiền nợ 500.000.000đ mà ông H, bà T khởi kiện đối với vợ chồng bà T1, ông L là có căn cứ.

Về nghĩa vụ trả nợ: Quá trình vay tiền của ông H, bà T thì chỉ bà T1 đứng ra xác lập, có viết giấy mượn tiền và ký tên, đóng dấu của công ty trách nhiệm hữu hạn VL, đại diện cho công ty xác lập vay tiền. Bà T1 và ông L là vợ chồng, ông L thừa nhận đã ủy quyền điều hành hoạt động của công ty trách nhiệm hữu VL cho bà T1. Do đó giao dịch vay tiền giữa bà T1 và vợ chồng ông H, bà T ngày 06/9/2018, xác lập trong thời kỳ hôn nhân, liên quan đến hoạt động kinh doanh chung của vợ chồng, thì ông L và bà T1 cùng chịu trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ vay cho vợ chồng ông H, bà T. Theo đó, cần buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Quang L phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông Hồ Văn H và bà Nguyễn Thị T số tiền nợ vay 500.000.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 25, 27 và 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông H, bà T được chấp nhận nên bị đơn - ông L, bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại các Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Hoàn trả lại cho ông H, bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, điểm b khoản 2 Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 25, 27 và 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Hồ Văn H và bà Trần Thị T: Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Quang L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hồ Văn H và bà Trần Thị T số tiền nợ vay là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Quang L và bà Nguyễn Thị T1 phải nộp 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

Trả lại ông Hồ Văn H và bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.320.000đ (mười hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013023 ngày 14/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 10/7/2019. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự.....;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng
Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Mạnh Trí